

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN
SỐ: 28/CV.GMX-2023.**

**V/v: CBTT Nghị quyết, Biên bản Hội
ĐHĐCĐ thường niên 2023 và các văn
bản, tài liệu kèm theo.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
-----o0o-----**

Vũng Tàu, Ngày 21 Tháng 04 năm 2023

Kính Gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
2. Mã Chứng Khóan : GMX
3. Địa chỉ trụ sở chính : Khu phố Suối Nhum – Phường Hắc Dịch – Thị xã Phú Mỹ - Tỉnh BRVT.
4. Điện thoại: 02543.893150 Fax: 02543.894168
5. Người thực hiện công bố thông tin : Lưu Thị Mai
6. Loại thông tin công bố: Định kỳ
7. Nội dung của thông tin công bố:

Công Ty Cổ Phần Gạch ngói Gốm Xây Dựng Mỹ Xuân công bố thông tin Biên bản họp; Nghị quyết và các tài liệu kèm theo của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính, gồm có:

- 7.1 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2023,
 - 7.2 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2023,
 - 7.3 Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và tài liệu đính kèm.
8. Địa chỉ Website đăng tải thông tin công bố:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21.04.2023 tại đường dẫn : www.myxuan-vt.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu:



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

Lưu Thị Mai

01/NQ.ĐHĐCĐ.2023

Hắc Dịch, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI GÓM XD MỸ XUÂN
PHIÊN HỌP NGÀY 21-04-2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần gạch ngói gốm Xây Dựng Mỹ Xuân
- Căn cứ vào biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2023

QUYẾT NGHỊ

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2022	So sánh % thực hiện với	
	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021
Doanh thu thuần	213.997.120.263	286.791.540.515	235.000.000.000	122,04%	134,02%
Giá vốn hàng bán	146.758.015.312	179.656.837.125	154.871.156.647	116,00%	122,42%
Lợi nhuận gộp	67.239.104.951	107.134.703.390	80.128.843.353	133,70%	159,33%
Doanh thu HĐTC	383.011.607	578.046.422	150.000.000	385,36%	150,92%
Chi phí kinh doanh	38.322.781.508	51.297.533.095	48.248.843.353	106,32%	133,86%
Lợi nhuận kinh doanh	29.299.335.050	56.415.216.717	32.030.000.000	176,13%	192,55%
Lợi nhuận khác	109.051.441	(1.423.021.869)			-1304,91%
Lợi nhuận trước thuế	29.408.386.491	54.992.194.848	32.030.000.000	171,69%	186,99%
Thuế thu nhập DN	5.962.761.838	11.410.517.524	6.406.000.000	178,12%	191,36%
Lợi nhuận sau thuế	23.445.624.653	43.581.677.324	25.624.000.000	170,08%	185,88%

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	154.063.880.521	188.354.904.397	22,26%
Doanh thu thuần	213.997.120.263	286.791.540.515	34,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.299.335.050	56.415.216.717	92,55%
Lợi nhuận khác	109.051.441	(1.423.021.869)	-1404,91%
Lợi nhuận trước thuế	29.408.386.491	54.992.194.848	86,99%
Lợi nhuận sau thuế	23.445.624.653	43.581.677.324	85,88%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26%	18,5%	-28,85%
- Thanh toán Đợt 2/2020 (chia cổ phiếu tăng VDL)	20%		
- Thanh toán Đợt 1/2021 (thanh toán bằng tiền)	6%		
- Thanh toán Đợt 2/2021 thanh toán bằng tiền)		8,50%	
- Thanh toán Đợt 1/2022 (thanh toán bằng tiền)		10%	

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán: với tỷ lệ biểu quyết 100%.

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng	
I	Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.671.002.301			

1	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022		28.625.174.806	9.034.451.000	37.659.625.806	
1.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	8,2%	871.633.546	2.683.070.930	3.554.704.476	
	<i>Trích từ LNST</i>	2,0%	871.633.546			
	<i>Trích từ LNST(Phần vượt LNKH)</i>	6,2%		2.683.070.930	2.683.070.930	14,94 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2022
1.2	Chi cổ tức	41,5%	9.034.451.000	9.034.451.000	18.068.902.000	
	<i>- Bằng tiền (Đợt 1:10% VDL)</i>	20,7%	9.034.451.000		9.034.451.000	
	<i>- Bằng tiền (Đợt 2:10% VDL)</i>	20,7%		9.034.451.000	9.034.451.000	
1.3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	8.716.335.465		8.716.335.465	
1.4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	871.633.546		871.633.546	
1.5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	18,0%	7.823.670.930	(2.683.070.930)	5.140.600.000	
1.5.1	<i>- Trích thưởng hoàn thành kế hoạch</i>	1,5%	640.600.000		640.600.000	
1.5.2	<i>- Trích thưởng vượt lợi nhuận</i>	16,5%	7.183.070.930	(2.683.070.930)	4.500.000.000	25.06 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2022
1.6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	871.633.546		871.633.546	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	1,0%	435.816.773		435.816.773	Trích để lại trên LNCPP
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		8.265.423.966			
2.1	Trích quỹ Thưởng HĐQT, BKS, BĐH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2022 ngày 28/04/2022		586.140.616			
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ 8,5%VDL		7.679.283.350			Theo danh sách chốt quyền ngày 20/06/2022

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	1,0%	435.816.773		435.816.773	Trích để lại trên LNCPP
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		8.265.423.966			
2.1	Trích quỹ Thưởng HĐQT, BKS, BĐH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2022 ngày 28/04/2022		586.140.616			
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ 8,5%VĐL		7.679.283.350			Theo danh sách chốt quyền ngày 20/06/2022
III	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				11.745.952.529	
1	- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước				5.823.901.011	
2	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022				5.922.051.518	6.357.868.291

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

4. Kết quả đầu tư phát triển năm 2022

* Giá trị đầu tư năm 2022:

Đơn vị tính : Đồng

STT	Hạn mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện tại 31/12/2022	Ghi chú
A	Mở sét, Nhà máy sản xuất tại Mỹ Xuân	6.774.000.000	2.373.904.815	
I	Sửa chữa lớn TSCĐ	450.000.000	539.426.364	
1	Nền sân, nhà xưởng, móng thoát nước	300.000.000		
2	Công việc sửa chữa khác	150.000.000	539.426.364	
	Sửa bán mái Lò nung dây chuyên 1		539.426.364	
II	Xây dựng và đầu tư mới	6.324.000.000	1.834.478.451	

STT	Hạn mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện tại 31/12/2022	Ghi chú
1	Hệ thống thoát nước DC1	1.294.000.000		
2	Nhà xưởng nổi dài DC3	960.000.000	591.390.909	
3	Xe xúc 2,5 - 3 m3	1.300.000.000	833.333.333	
4	Xe nâng 3.5 T	350.000.000		
5	Máy nén khí trục vít 30HP	120.000.000	228.718.000	<i>Đầu tư máy nén khí 50HP</i>
6	Máy phát điện 400 KVA	700.000.000		
7	Xi-lông lọc bụi hệ nghiền khô	600.000.000		
8	Máy cắt dây	400.000.000		
9	Máy ép cường độ gạch	100.000.000		
10	Khác	500.000.000	181.036.209	
	<i>Máy sấy khí tác nhân lạnh hiệu Denair, Model: DAD-8HTF</i>		<i>45.000.000</i>	
	<i>Mương thoát nước</i>		<i>136.036.209</i>	<i>XDDD</i>
B	Dự án Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức	157.694.240.757	56.739.055.865	
1	CN Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		10.608.754.000	
2	CN Nhà máy gạch ngói Châu Đức		17.759.863.413	
3	Chi phí chuyển nhượng vốn Dự án		2.000.000.000	
4	Đường vào Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		9.970.260.903	
5	Đất làm đường vào nhà máy (<i>chuyển nhượng từ hộ dân</i>)		2.677.500.000	
6	Đất Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (<i>chuyển nhượng từ hộ dân</i>)		9.342.553.000	
7	Nhà điều hành Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		181.953.164	
8	San lấp mặt bằng Nhà máy		2.314.814.815	
9	Chi phí Ban quản lý dự án		941.381.094	
10	Chi phí Dự án khác		941.975.476	
	TỔNG CỘNG	164.468.240.757	59.112.960.680	

*** Đầu tư tài chính:**

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số trái phiếu Công ty đang sở hữu tại ngày 31/12/2022 là 20.000 trái phiếu với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,225%/năm (năm 2021: 6,500%/năm).

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kết quả đầu tư phát triển năm 2022 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
I. Sản lượng sản xuất	Viên QTC	75.341.953
II. Sản lượng tiêu thụ		
- Gạch xây dựng	Viên QTC	62.362.580
- Sản phẩm trang trí	Viên QTC	12.979.373
- Ngói màu	Viên QTC	3.100.000
- Sản phẩm tráng men	Viên QTC	459.000
II. Kết quả kinh doanh		
Doanh thu thuần (gồm doanh thu khác)	Đồng	249.385.543.254
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.188.176.559
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.950.541.247

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 với tỷ lệ biểu quyết 100%.

6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn lợi nhuận chưa phân phối		40.696.493.776	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.745.952.529	
2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022		28.950.541.247	
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế		24.802.421.467	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	579.010.825	
3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	5.790.108.249	
4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	579.010.825	
5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	723.763.531	
6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	579.010.825	
7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	289.505.412	

8	Chi cô tức bằng tiền (18% VDL tại ngày 01/01/2023)	56,2%	16.262.011.800	
III	Phân phối lợi nhuận năm trước			
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.894.072.309	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		11.745.952.529	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	14,3%	4.18.119.780	4.437.625.192

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

7. Kế hoạch Đầu tư phát triển 2023 :

* Đầu tư xây dựng tại Nhà máy sản xuất Mỹ Xuân.

Đơn vị tính : Ngàn đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Sửa chữa		1		842.000	
1	Thay tôn mái nhà xưởng	M ²	1.800	190	342.000	
2	Sửa chữa nhỏ, nền sân, chống dột,....	Hệ	1		500.000	
B	Xây dựng và đầu tư mới				3.700.000	
1	Lò sấy gạch mini	Lò	2	600.000	1.200.000	
2	Xe nâng 2,5T	Cái	2	400.000	800.000	
3	Máy phát điện 400 KVa	Cái	1	700.000	700.000	
4	Máy cắt dây	Cái	1	400.000	400.000	
5	Máy ép cường độ gạch	Cái	1	100.000	100.000	
6	Khác				500.000	
Tổng cộng (A + B)					4.542.000	

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023 với tỷ lệ biểu quyết 100 %.

8. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2023 là : 912.000.000 đồng (Chín trăm mười hai triệu đồng).

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2023 với tỷ lệ biểu quyết 100%.

9. Thông qua mức thưởng HĐQT, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty Ban điều hành gồm: Ban Tổng Giám Đốc – Kế Toán Trưởng – Trưởng phó các Phòng Ban Xưởng SX

Nội dung thưởng	Mức thưởng
a. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2023	2.5% Lợi nhuận sau thuế
b. Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2023	30% Lợi nhuận vượt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế)

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 99,99%.

Không đồng ý 0,01%

10. Thông qua danh sách giao dịch với các Công ty liên quan.

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Loại hình giao dịch
01	Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Mã số : 3500870374; Đ/c KP Suối nhum, Phường Hắc dịch, TX Phú mỹ, BRVT	Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng và mua bán sản phẩm
02	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Mã số : 3400518578; Đ/c Thôn An bình, Xã Sông phan, Huyện Hàm tân, Tỉnh Bình Thuận	Cung cấp phụ tùng vật tư và mua bán sản phẩm
03	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Gia Thy	Mã số : 0302999130; Đ/c 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
04	Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Mã số : 3501751524; Đ/c 40/6/1B Đường Lê Hồng Phong, P4 TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm
05	Công Ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Mã số : 1200948280, Đ/c Đường ADB, Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Lý Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Cung cấp phụ tùng vật tư

06	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Gia Thắng	Mã số : 0313449611; Đ/c Lầu 4 – Gia Thy Building, 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
----	---	---	-------------------

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.

Giao quyền chủ động Ban Kiểm Soát xem xét giới thiệu đơn vị có chức năng nằm trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán niêm yết của UBCK Nhà nước công nhận.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

12. Giao quyền cho HĐQT căn cứ vào kết quả SXKD sáu tháng đầu năm để điều chỉnh kế hoạch SXKD sáu tháng cuối năm 2023 cho phù hợp với tình hình thực tế.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí đồng ý thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100%.

Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được các đại biểu tham dự cuộc họp nhất trí biểu quyết thông qua **100%** vào hồi **12h45'** ngày 21 tháng 4 năm 2023.

**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần gạch ngói gốm XD Mỹ Xuân**

Chủ tọa

(Ký tên, đóng dấu)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bầu đoàn chủ tịch, thư ký và ban kiểm phiếu

1.1. Chủ tọa phiên họp

Ông Dư Quốc Trung

Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty.

Ông Nguyễn Văn Sơn

Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

1.2. Bầu thư ký cuộc họp.

Bà Trần Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Thúy Loan

ĐHĐCĐ dự họp đồng ý 100% với thành phần thư ký

1.3. Ban kiểm phiếu biểu quyết.

Ông Hoàng Văn Thái

Trưởng ban

Bà Phạm Thị Hương Duyên

Thành viên

Bà Trần Thị Cảnh

Thành viên

ĐHĐCĐ dự họp đồng ý 100% với thành phần ban kiểm phiếu.

2. Thông qua chương trình nghị sự của Đại hội:

Ông Dư Quốc Trung chủ tọa cuộc họp thông qua chương trình, nội dung tại đại hội. Đại hội đã nhất trí tán thành 100% với chương trình họp, nội dung đã gửi đến cổ đông theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đăng tải trên website công ty từ ngày 28/03/2023.

B. Các Nội dung Đại Hội :

1. Ông Nguyễn Hữu Quang - Thành viên HĐQT độc lập trình bày báo cáo của HĐQT.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn - Tổng giám đốc trình bày báo cáo của Ban điều hành.
3. Ông Hoàng Văn Thái - Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo của Ban kiểm soát.
4. Ông Nguyễn Văn Sơn - Trình các nội dung biểu quyết.

1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2022	So sánh % thực hiện với	
	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021
Doanh thu thuần	213.997.120.263	286.791.540.515	235.000.000.000	122,04%	134,02%
Giá vốn hàng bán	146.758.015.312	179.656.837.125	154.871.156.647	116,00%	122,42%
Lợi nhuận gộp	67.239.104.951	107.134.703.390	80.128.843.353	133,70%	159,33%
Doanh thu HĐTC	383.011.607	578.046.422	150.000.000	385,36%	150,92%

Chi phí kinh doanh	38.322.781.508	51.297.533.095	48.248.843.353	106,32%	133,86%
Lợi nhuận kinh doanh	29.299.335.050	56.415.216.717	32.030.000.000	176,13%	192,55%
Lợi nhuận khác	109.051.441	(1.423.021.869)			-1304,91%
Lợi nhuận trước thuế	29.408.386.491	54.992.194.848	32.030.000.000	171,69%	186,99%
Thuế thu nhập DN	5.962.761.838	11.410.517.524	6.406.000.000	178,12%	191,36%
Lợi nhuận sau thuế	23.445.624.653	43.581.677.324	25.624.000.000	170,08%	185,88%

2. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng (+), giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	154.063.880.521	188.354.904.397	22,26%
Doanh thu thuần	213.997.120.263	286.791.540.515	34,02%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.299.335.050	56.415.216.717	92,55%
Lợi nhuận khác	109.051.441	(1.423.021.869)	-1404,91%
Lợi nhuận trước thuế	29.408.386.491	54.992.194.848	86,99%
Lợi nhuận sau thuế	23.445.624.653	43.581.677.324	85,88%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26%	18,5%	-28,85%
- Thanh toán Đợt 2/2020 (chia cổ phiếu tăng VDL)	20%		
- Thanh toán Đợt 1/2021 (thanh toán bằng tiền)	6%		
- Thanh toán Đợt 2/2021 thanh toán bằng tiền)		8,50%	
- Thanh toán Đợt 1/2022 (thanh toán bằng tiền)		10%	

3. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Đơn vị tính : đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng	

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng	
I	Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.671.002.301			
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		14.089.324.977			
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN phát sinh năm 2022		43.581.677.324			
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế		36.890.598.772	9.034.451.000	45.925.049.772	
1	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022		28.625.174.806	9.034.451.000	37.659.625.806	
1.1	Trích quỹ đầu tư phát triển	8,2%	871.633.546	2.683.070.930	3.554.704.476	
	-Trích từ LNST	2,0%	871.633.546			
	-Trích từ LNST(Phần vượt LNKH)	6,2%		2.683.070.930	2.683.070.930	14,94 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2022
1.2	Chi cổ tức	41,5%	9.034.451.000	9.034.451.000	18.068.902.000	
	- Bằng tiền (Đợt 1:10% VĐL)	20,7%	9.034.451.000		9.034.451.000	
	- Bằng tiền (Đợt 2:10% VĐL)	20,7%		9.034.451.000	9.034.451.000	
1.3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	8.716.335.465		8.716.335.465	
1.4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	871.633.546		871.633.546	
1.5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	18,0%	7.823.670.930	(2.683.070.930)	5.140.600.000	
1.5.1	- Trích thưởng hoàn thành kế hoạch	1,5%	640.600.000		640.600.000	

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền			Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng	
1.5.2	- Trích thưởng vượt lợi nhuận	16,5%	7.183.070.930	(2.683.070.930)	4.500.000.000	25.06 % vượt lợi nhuận kế hoạch năm 2022
1.6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	871.633.546		871.633.546	
1.7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	1,0%	435.816.773		435.816.773	Trích để lại trên LNCPP
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		8.265.423.966			
2.1	Trích quỹ Thưởng HĐQT, BKS, BDH theo nghị quyết Đại hội ĐCĐTN năm 2022 ngày 28/04/2022		586.140.616			
2.2	Chi cổ tức Đợt 2 năm 2021 bằng tiền, tỷ lệ 8,5%VĐL		7.679.283.350			Theo danh sách chốt quyền ngày 20/06/2022
III	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				11.745.952.529	
1	- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước				5.823.901.011	
2	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022				5.922.051.518	6.357.868.291

4. Kết quả đầu tư phát triển năm 2022

* Giá trị đầu tư năm 2022:

Đơn vị tính : Đồng

STT	Hạn mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện tại 31/12/2022	Ghi chú
A	Mở sét, Nhà máy sản xuất tại Mỹ Xuân	6.774.000.000	2.373.904.815	
I	Sửa chữa lớn TSCĐ	450.000.000	539.426.364	
1	Nền sân, nhà xưởng, móng thoát nước	300.000.000		
2	Công việc sửa chữa khác	150.000.000	539.426.364	

STT	Hạn mục đầu tư	Kế hoạch	Thực hiện tại 31/12/2022	Ghi chú
	<i>Sửa bán mái Lò nung dây chuyên 1</i>		539.426.364	
II	Xây dựng và đầu tư mới	6.324.000.000	1.834.478.451	
1	Hệ thống thoát nước DC1	1.294.000.000		
2	Nhà xưởng nổi dài DC3	960.000.000	591.390.909	
3	Xe xúc 2,5 - 3 m3	1.300.000.000	833.333.333	
4	Xe nâng 3.5 T	350.000.000		
5	Máy nén khí trục vít 30HP	120.000.000	228.718.000	<i>Đầu tư máy nén khí 50HP</i>
6	Máy phát điện 400 KVA	700.000.000		
7	Xi-lông lọc bụi hệ nghiền khô	600.000.000		
8	Máy cắt dây	400.000.000		
9	Máy ép cường độ gạch	100.000.000		
10	Khác	500.000.000	181.036.209	
	<i>Máy sấy khí tác nhân lạnh hiệu Denair, Model: DAD-8HTF</i>		45.000.000	
	<i>Mương thoát nước</i>		136.036.209	<i>XDDD</i>
B	Dự án Mỏ sét, Nhà máy sản xuất tại Châu Đức	157.694.240.757	56.739.055.865	
1	CN Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		10.608.754.000	
2	CN Nhà máy gạch ngói Châu Đức		17.759.863.413	
3	Chi phí chuyển nhượng vốn Dự án		2.000.000.000	
4	Đường vào Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		9.970.260.903	
5	Đất làm đường vào nhà máy (<i>chuyển nhượng từ hộ dân</i>)		2.677.500.000	
6	Đất Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức (<i>chuyển nhượng từ hộ dân</i>)		9.342.553.000	
7	Nhà điều hành Mỏ sét Suối Rao, Châu Đức		181.953.164	
8	San lấp mặt bằng Nhà máy		2.314.814.815	
9	Chi phí Ban quản lý dự án		941.381.094	
10	Chi phí Dự án khác		941.975.476	
	TỔNG CỘNG	164.468.240.757	59.112.960.680	

*** Đầu tư tài chính:**

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số trái phiếu Công ty đang sở hữu tại ngày 31/12/2022 là 20.000 trái phiếu với mệnh giá là 100.000 VND/ trái phiếu, có kỳ hạn 6 năm và lãi suất là 6,225%/năm (năm 2021: 6,500%/năm).

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
I. Sản lượng sản xuất	Viên QTC	75.341.953
II. Sản lượng tiêu thụ		
- Gạch xây dựng	Viên QTC	62.362.580
- Sản phẩm trang trí	Viên QTC	12.979.373
- Ngói màu	Viên QTC	3.100.000
- Sản phẩm tráng men	Viên QTC	459.000
II. Kết quả kinh doanh		
Doanh thu thuần (gồm doanh thu khác)	Đồng	249.385.543.254
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	36.188.176.559
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.950.541.247

6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế	Số tiền	Ghi chú
I	Nguồn lợi nhuận chưa phân phối		40.696.493.776	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.745.952.529	
2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2022		28.950.541.247	
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế		24.802.421.467	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	2,0%	579.010.825	
3	Trích quỹ khen thưởng	20,0%	5.790.108.249	
4	Trích quỹ phúc lợi	2,0%	579.010.825	
5	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	2,5%	723.763.531	

6	Quỹ dự phòng tài chính	2,0%	579.010.825	
7	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (trích để lại trên LNCPP)	1,0%	289.505.412	
8	Chi cô tức bằng tiền (18% VDL tại ngày 01/01/2023)	56,2%	16.262.011.800	
III	Phân phối lợi nhuận năm trước			
IV	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.894.072.309	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		11.745.952.529	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	14,3%	4.18.119.780	4.437.625.192

7. Kế hoạch Đầu tư phát triển 2023 :

* Đầu tư xây dựng tại Nhà máy sản xuất Mỹ Xuân.

Đơn vị tính : Ngàn đồng

Stt	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Sửa chữa		1		842.000	
1	Thay tôn mái nhà xưởng	M ²	1.800	190	342.000	
2	Sửa chữa nhỏ, nền sân, chống đốt,....	Hệ	1		500.000	
B	Xây dựng và đầu tư mới				3.700.000	
1	Lò sấy gạch mini	Lò	2	600.000	1.200.000	
2	Xe nâng 2,5T	Cái	2	400.000	800.000	
3	Máy phát điện 400 KVA	Cái	1	700.000	700.000	
4	Máy cắt dây	Cái	1	400.000	400.000	
5	Máy ép cường độ gạch	Cái	1	100.000	100.000	
6	Khác				500.000	
Tổng cộng (A + B)					4.542.000	

8. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023.

Mức thù lao HĐQT, BKS năm 2023 là : 912.000.000 đồng (Chín trăm mười hai triệu đồng).

9. Thông qua mức thưởng HĐQT, Ban Kiểm Soát, thư ký công ty Ban điều hành gồm: Ban Tổng Giám Đốc – Kế Toán Trưởng – Trưởng phó các Phòng Ban Xưởng SX

Nội dung thưởng	Mức thưởng
a. Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2023	2.5% Lợi nhuận sau thuế
b. Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2023	30% Lợi nhuận vượt kế hoạch (lợi nhuận sau thuế)

10. Thông qua danh sách giao dịch với các Công ty liên quan.

STT	Tên Công Ty	Địa chỉ	Loại hình giao dịch
01	Công Ty TNHH Phú Mỹ Xuân	Mã số : 3500870374; Đ/c KP Suối nhum, Phường Hắc dịch, TX Phú mỹ, BRVT	Cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng và mua bán sản phẩm
02	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Quang Cường - Bình Thuận	Mã số : 3400518578; Đ/c Thôn An bình, Xã Sông phan, Huyện Hàm tân, Tỉnh Bình Thuận	Cung cấp phụ tùng vật tư và mua bán sản phẩm
03	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Gia Thy	Mã số : 0302999130; Đ/c 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm
04	Công Ty TNHH TM DV Học Minh Thành	Mã số : 3501751524; Đ/c 40/6/1B Đường Lê Hồng Phong, P4 TP Vũng Tàu, Tỉnh BRVT	Tiêu thụ sản phẩm
05	Công Ty TNHH Đầu tư và Thương mại Đại Hữu	Mã số : 1200948280, Đ/c Đường ADB, Ấp Tân Thạnh, Xã Tân Lý Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Cung cấp phụ tùng vật tư
06	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Gia Thắng	Mã số : 0313449611; Đ/c Lầu 4 – Gia Thy Building, 158-158A Đào Duy Anh, P9, Quận phú nhuận, HCM	Tiêu thụ sản phẩm

11. Chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.

Giao quyền chủ động Ban Kiểm Soát xem xét giới thiệu đơn vị có chức năng nằm trong danh sách Doanh nghiệp kiểm toán niêm yết của UBCK Nhà nước công nhận.

12. Giao quyền cho HĐQT căn cứ vào kết quả SXKD sáu tháng đầu năm để điều chỉnh tăng hoặc giảm kế hoạch SXKD sáu tháng cuối năm 2023.

II. THẢO LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT

Đại hội thảo luận các vấn đề vừa trình bày như sau:

Ý kiến của các cổ đông

1/ Cổ đông : Trần Thanh Hải – SCD 049

- Tình hình triển khai xuất khẩu, tỷ trọng đóng góp xuất khẩu/nội địa?
- Cung cấp thêm thông tin về dự án NM Châu Đức, cụ thể vướng khâu nào? Khi nào được giải quyết? Khi nào được triển khai đi vào hoạt động?
- Phần thưởng vượt KH tỷ lệ 40% có tiền từ trước hay mới năm nay? Cá nhân đánh giá hơi cao so với DN khác 20-25% (không phản đối nhưng muốn chia sẻ ý kiến cá nhân).
- Giao quyền cho HĐQT điều chỉnh KH 6TCN hơi khó điều chỉnh có 2 hướng : điều chỉnh Giám – Tăng như thế nào cho hợp lý? Vì có liên quan tới vấn đề thưởng vượt kế hoạch.
- Việc chia vượt lợi nhuận năm 2022 đề nghị vẫn theo nghị quyết cổ đông, nên xem xét lại kế hoạch năm 2023 việc trích quỹ đầu tư quá ít nên trích thêm quỹ đầu tư phát triển.
- Đồng ý với anh Tuấn nên bảo vệ thương hiệu MY XUAN-VT.

2/ Cổ đông : Lê Văn Phúc – SCD 053

- Kế hoạch 2023 có khiêm tốn quá không vì lợi nhuận hơi thấp, cho biết lý do vì sao thấp
- PPLN 2023 xem xét lại chia lợi nhuận 20%
- Còn lại đồng ý hết

3/ Cổ đông : Khổng Hữu Hiệp – SCD : 081

- Phần thưởng vượt kế hoạch 40% nên xem lại
- Lợi nhuận 2022 so với 2021 vẫn theo như cũ 40% năm 2022 vượt lợi nhuận quá cao xem lại mức thưởng
- KH 2023 giảm nhiều so với 2022 nên chia sẻ phần chia vượt lợi nhuận
- 2023 nên xem xét giảm còn 30%
- Nếu Công ty phát hành cổ phiếu mới bản thân là cổ đông lớn vẫn giữ ý định mua thêm.

4/ Cổ đông : Nguyễn Xuân Thành SCD 036

- KHLN 2023 là 28 tỷ trong khi đó Quý 1 mới 4,3 Tỷ , xem lại KH có bị cao quá không? Năm 2022 lợi nhuận tăng đột biến do sự nhanh nhạy của BDH nên hoàn thành vượt mức
- Kế hoạch đầu tư 2023 quá thấp, cổ đông quan tâm đến DA NM Châu Đức, nếu đi vào hoạt động thì việc phát hành cổ phiếu mới như thế nào?

5 /Cổ đông : Phan Hoàng Tuấn - SBD : 011

- Năm 2022 tình hình kinh tế khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch là điều đáng chúc mừng.
- Xem lại bảng Phân phối lợi nhuận ở mục số 2 : Cách trình bày hơi khó cho cổ đông đọc, nhìn và khó hiểu.
- Định hướng 2023 đề nghị phát triển hoạt động bán hàng : Xây dựng kênh bán hàng Online, năm sau có KH chi phí truyền thông.

- Có kế hoạch bảo vệ thương hiệu, triệt để việc sử dụng thương hiệu GMX phải được xin phép của ĐHĐCĐ
- Sử dụng Account trên mạng truyền thông, có kế hoạch điều chỉnh cập nhật thông tin kịp thời trên Website myxuan.con.vn
- Tình hình kinh tế nhìn chung 6 tháng cuối năm dòng tiền sẽ dễ dàng hơn, nên kế hoạch 6TCĐ sẽ dễ thực hiện.
- Tăng giá bán vẫn còn giữ nguyên, cải tiến sản xuất, tăng sản lượng sản xuất nên việc hoàn thành KH 6 TCĐ không quá khó, doanh thu sẽ dễ thực hiện, kế hoạch lợi nhuận nên điều chỉnh khoảng 32-36 tỷ.
- Chia cổ tức nên để KH 20%.
- Bài toán thưởng vượt kế hoạch của BĐH là 40% xem xét sao cho hợp lý nên chia sẽ với BĐH cổ đông, phần vượt nên giữ lại phục vụ cho hoạt động của công ty.
- Việc phân chia vượt lợi nhuận so với kế hoạch đề nghị như sau :
 - + Trích quỹ đầu tư phát triển nên để lại 40%
 - + BĐH, HĐQT 30%
 - + Cổ đông 30%

*** Giải trình của BĐH : Tổng Giám Đốc Nguyễn Văn Sơn**

- Năm 2021 do ảnh hưởng Covid làm 3 tại chỗ... năm 2021 không đạt KH
- Năm 2022 với nỗ lực của CBCNV cộng thêm may mắn, chi phí NVL được ổn định, giá bán tăng, tăng được doanh thu nên đã hoàn thành vượt mức KH 2022. Xin giải trình như sau :

1 / Công tác tiêu thụ : Liên Quan đến ý kiến của cổ đông Trần Thanh Hải

- Doanh thu có 2 kênh : Trong nước, xuất khẩu
- Về xuất khẩu : Hỗ trợ hệ thống kênh phân phối bán hàng ra nước ngoài như : Campuchia, Hàn Quốc.... chứ Công ty không trực tiếp xuất khẩu. Tập trung nguồn lực bán hàng trong nước

2 / Về dự án nhà máy Châu Đức

- Đang thực hiện 2 hợp đồng với Cty TânThịnh : Năm 2021 UBND Tỉnh ra quyết định chủ trương đầu tư từ Công ty Tân Thịnh – GMX, Sở TNMT cũng có tờ trình đề nghị thu hồi đất TânThịnh giao cho GMX... đang trong quá trình làm thủ tục, đến thời điểm này đã có được công văn của Sở TNMT đề nghị cho GMX tiếp tục thực hiện dự án. Đang chờ quyết định của UBND Tỉnh .
- Thời hạn thuê đất và mỏ sét tại Công ty GMX chỉ còn mấy năm nữa, nên Công ty đã có định hướng phát triển sang Châu Đức lâu dài .

3/ Vấn đề kế hoạch và thưởng vượt kế hoạch

- BĐH đề nghị vẫn giữ mức thưởng 40% là để khuyến khích chia thưởng cho khoảng 60 CBCNV đã nỗ lực làm việc trong suốt 1 năm, 60% còn lại chia cho cổ đông.
- Điều chỉnh kế hoạch 6 tháng cuối năm đề nghị giao cho HĐQT xem xét điều chỉnh Tăng hoặc giảm sẽ căn cứ vào kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm .
- Việc xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2023 giảm là do : Điều chỉnh năng lực SX , tiêu thụ tới đâu SX tới đó, vì chi phí NVL tăng, giảm theo thị trường nên doanh thu không tăng dẫn đến không tăng lợi nhuận. Phải chờ dự án Châu Đức đi vào hoạt động mới tăng sản lượng, tăng doanh thu – tăng lợi nhuận

- Cuối năm 2021 nhập than dự trữ cho năm 2022 được 8 tháng vẫn giữ giá tới quý 4 mới phải sử dụng đến nguồn nguyên liệu giá cao, đồng thời công ty đã điều chỉnh giá bán tăng 03 lần, tiết kiệm được chi phí quản lý. Năm 2023 khó khăn lớn nhất là vấn đề nhập than giá mới, chi phí đầu vào tăng rất lớn, cầu thị trường giảm nghiêm trọng nên KHLN không tăng.

4 / Phương án phát hành cổ phiếu

- Chia cổ phiếu thưởng : Đã thực hiện
- Phát hành cổ phiếu mới : Chưa thực hiện được phải chờ dự án Châu Đức được duyệt mới phát hành.
- Kế hoạch dự kiến phát hành cho cổ đông hiện hữu giá 12.000 đ/CP
- Phát hành cổ phiếu mới dự kiến tỷ lệ 35% số lượng cổ phần hiện tại.

* Chủ Tịch HĐQT Dự Quốc Trung

- Kế hoạch 2023 : Xây dựng rất sát với tình hình thực tế HĐQT, Ban ĐH đã bàn bạc, xem xét nhiều lần, đã qua 2 cuộc họp bàn bạc mới lên được kế hoạch. 1 tuần trước ĐHĐCĐ HĐQT cũng đã họp và xem xét điều chỉnh tăng khi kết thúc quyết toán quý 1/2023.
- GMX có truyền thông bám rất sát tình hình SXKD, xây dựng kế hoạch rất đúng với tình hình thực tế. Ban ĐH rất nghiêm túc trong việc thực hiện.
- HĐQT và BĐH bám sát thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 đưa ra, năm 2022 nên vẫn giữ nguyên.

Cổ đông Nguyễn Hữu Thục - SCD : 067

- Nhất trí với ý kiến của các cổ đông và anh Tuấn . Kế hoạch hàng năm thường rất sát, do năm 2022 tích trữ được nguyên vật liệu và điều chỉnh được giá bán tăng nên doanh thu và lợi nhuận tăng vượt ngoài dự ký. Ý kiến anh Tuấn là hợp lý
- Công ty GMX đến 2026 là hết hạn nên việc đầu tư MMTB có thể chủ động trước được còn phần đầu tư xây dựng mới nên xem xét lại.
- Trước giờ chưa có việc điều chỉnh KH 6 tháng, năm 2023 mới có việc thay đổi KH 6 tháng cuối năm cũng hợp lý, Ban KS nên bám sát việc điều chỉnh và theo dõi báo cáo kịp thời cổ đông.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA

Đại hội đồng cổ đông Công Ty cổ phần gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân tiến hành biểu quyết các nội dung sau:

Số nội dung	NỘI DUNG ĐƯỢC ĐHĐCĐ BIỂU QUYẾT	Đồng ý	Không đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung 1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.	100%		
Nội dung 2	Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.	100%		
Nội dung 3	Kết quả phân phối lợi nhuận 2022	100%		
Nội dung 4	Kết quả đầu tư phát triển năm 2022	100%		
Nội dung 5	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	100%		

Nội dung 6	Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023	100%		
Nội dung 7	Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2023	100%		
Nội dung 8	Mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2023	100%		
Nội dung 9	Mức thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành khi hoàn thành và vượt kế hoạch LN năm 2023.	99,99%		
Nội dung 10	Danh sách giao dịch với các công ty liên quan	100%		
Nội dung 11	Giao Trưởng Ban kiểm soát tư vấn cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán năm 2023	100%		
Nội dung 12	Giao quyền cho HĐQT căn cứ vào kết quả SXKD sáu tháng đầu năm để điều chỉnh kế hoạch SXKD sáu tháng cuối năm 2023 cho phù hợp với tình hình thực tế.	100%		

Cuộc họp kết thúc vào lúc **12^h45** cùng ngày. Biên bản cuộc họp được đọc lại cho các cổ đông trong cuộc họp cùng nghe, cùng nhất trí thông qua 100%. Biên bản này được lập thành **05** bản, lưu văn phòng **01** bản.

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Bích


Nguyễn Thị Thuý Loan

**CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH HĐQT**

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



DỰ QUỐC TRUNG